

Số: 341 /TTYT-KD

Lục Ngạn, ngày 05 tháng 6 năm 2023

V/v: Đề nghị báo giá hóa chất xét  
nghiệm miễn dịch

Kính gửi: Các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh trang thiết bị y tế

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp đảm bảo thuốc, trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài; Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 61/QĐ-SYT ngày 11/01/2023 về việc dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 (lần 1) của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Hội đồng khoa học ngày tại biên bản họp **05/6/2023**

Để có căn cứ xây dựng dự toán mua hóa chất xét nghiệm miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Đơn vị theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn có liên quan, Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn đề nghị các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh trang thiết bị y tế có khả năng cung cấp hàng hoá (*chi tiết danh mục, số lượng hàng hoá tại phụ lục đính kèm*), gửi báo giá đến Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn để đơn vị tổ chức xem xét, đánh giá thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

**Ghi chú:** Thông số kỹ thuật nêu tại phụ lục đính kèm là thông số kỹ thuật tham khảo. Các đơn vị báo giá có thể báo giá hàng hoá có đặc tính, tính năng và thông số kỹ thuật tương đương. Hàng hoá báo giá đảm bảo phù hợp với trang thiết bị hiện có của Chủ đầu tư là: Máy xét nghiệm miễn dịch, Model: **AIA-360**, Hãng sản xuất/ Xuất xứ: **Tosoh /Nhật Bản**

Chi tiết mẫu báo giá tham khảo theo phụ lục đính kèm.

Địa chỉ nhận báo giá:

- Địa chỉ hộp thư điện tử của Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn: địa chỉ mail: **trungtamylucngan@gmail.com**.

- Địa chỉ nhận bản gốc báo giá: Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn, địa chỉ: Thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Số điện thoại liên hệ: Đ/c Phạm Đức Thương – Trưởng Khoa Dược, vật tư TTBYT: 0912.524.359

Thời gian nhận báo giá từ ngày **06/6/2023** đến hết **16 giờ 30 phút ngày 18/6/2023**.

Trân trọng cảm ơn!

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu:VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Văn Sinh**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo văn bản số **341/TTYT** ngày 05/6/2023 của Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn)

### BÁO GIÁ HÀNG HOÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn

Chúng tôi, Công ty (Tên Đơn vị)....., có địa chỉ tại: .....

Chúng tôi cam kết là đơn vị có tư cách pháp nhân độc lập, được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý trang thiết bị y tế.

Căn cứ danh mục hàng hoá đề nghị báo giá của Quý Cơ quan, Chúng tôi báo giá đơn giá hàng hoá như sau:

STT	Danh mục hàng hóa/ Thông số kỹ thuật	Chủng loại trang thiết bị y tế;	Hãng, nước sản xuất; hãng, nước chủ sở hữu	Đơn giá kê khai theo quy định tại ND 98/2021/NĐ-CP của Chính phủ (giá bán tối đa – nếu có) hoặc giá Công khai tại Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế	Đơn giá (đồng)	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1.	<b>Hóa chất xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm Ung thư CA 15-3</b> <b>Thông số kỹ thuật:</b> Xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm Ung thư 15-3 5. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đồng khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 15-3 và 100 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 15-3 (đối với CA 15-3 của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide					Test	600	
2.	<b>Hóa chất xét nghiệm định lượng βHCG II</b> <b>Thông số kỹ thuật:</b> Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đồng khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng βHCG II và 100 µL					Test	3000	

	kháng thể đơn dòng của chuột kháng $\beta$ HCG II được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide							
3.	<p><b>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CEA</b></p> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b>  Hóa chất hiệu chuẩn CEA ZERO Calibrator (1) 0 ng/L  Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của CEA, chất bảo quản natri azide  Hóa chất hiệu chuẩn CEA Positive Calibrator 50 ng/L  Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của CEA, chất bảo quản natri azide.</p>					ml	8	
4.	<p><b>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CA-125</b></p> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b>  Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (1) 0 U/mL  Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của CA 125, chất bảo quản natri azide.  Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (2) 8 U/mL  Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (3) 32 U/mL  Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (4) 128 U/mL  Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (5) 500 U/mL  Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (6) 1,100 U/mL  Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ CA 125, chất bảo quản natri azides (được làm đông khô)</p>					ml	48	
5.	<p><b>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CA15-3</b></p> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b>  Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (1) 0 mg/L  Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của CA 15-3, chất bảo quản natri azide.  Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (2) 1.2 U/mL</p>					ml	48	

	Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (3) 2.4 U/L 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (4) 4.8 U/mL 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (5) 9.5 U/mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (6) 21 U/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ CA 15-3 được chỉ định, chất bảo quản natri azides.							
6.	<b>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Beta-HCGII</b> <b>Thông số kỹ thuật:</b> Hóa chất hiệu chuẩn $\beta$ HCG II Calibrator (1) 0 mIU/mL Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của $\beta$ HCG, chất bảo quản natri azide. Hóa chất hiệu chuẩn $\beta$ HCG II Calibrator (2) 6.5 mIU/mL Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (3) 50 mIU/mL Hóa chất hiệu chuẩn $\beta$ HCG II Calibrator (4) 200 mIU/mL Hóa chất hiệu chuẩn $\beta$ HCG II Calibrator (5) 1,000 mIU/mL Hóa chất hiệu chuẩn $\beta$ HCG II Calibrator (6) 2,250 mIU/mL Huyết thanh người chứa nồng độ $\beta$ HCG được chỉ định (mô tả trên mỗi lọ) (được đông khô). Chất bảo quản natri azide.					ml	48	
7.	<b>Hóa chất kiểm tra mức II</b> <b>Thông số kỹ thuật:</b> Hóa chất kiểm tra Multi Control Level 2 (đông khô)					Hộp	5	
8.	<b>Hóa chất rửa</b> <b>Thông số kỹ thuật:</b> Dung dịch đệm với chất tẩy và chất kìm hãm vi khuẩn					ml	6000	
9.	<b>Hóa chất pha loãng</b> <b>Thông số kỹ thuật:</b>					ml	6000	

	Dung dịch đệm với chất tẩy.							
10.	<b>Hóa chất nền</b> <b>Thông số kỹ thuật:</b> Methylumbelliferyl photphat, chất ổn định, chất bảo quản natri azide (đông khô). hóa chất nền Substrate Reconstituent II, chất đệm chứa chất bảo quản natri azide (dạng lỏng).					ml	4800	
11.	<b>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Free PSA</b> <b>Thông số kỹ thuật:</b> Hóa chất hiệu chuẩn free PSA Calibrator (1) 0 ng/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của free PSA, chất bảo quản natri azide. Hóa chất hiệu chuẩn free PSA Calibrator (2) 0.2 µg/mL Hóa chất hiệu chuẩn free PSA Calibrator (3) 1 µg/mL Hóa chất hiệu chuẩn free PSA Calibrator (4) 5 µg/L mL Hóa chất hiệu chuẩn free PSA Calibrator (5) 10 µg/L Hóa chất hiệu chuẩn free PSA Calibrator (6) 23 µg/L Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ được chỉ định của free PSA, chất bảo quản natri azide.					ml	12	
12.	<b>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng PSAII</b> <b>Thông số kỹ thuật:</b> Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (1) 0 ng/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của PSA, chất bảo quản natri azide. Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (2) 0.2 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (3) 2 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (4) 10 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (5) 50 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (6) 110 ng/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ được					ml	12	

	chỉ định của PSA , chất bảo quản natri.							
13.	<b>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng AFP</b> <b>Thông số kỹ thuật:</b> Hóa chất hiệu chuẩn AFP ZERO Calibrator (1) 0 ng/L Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của AFP, chất bảo quản natri azide Hóa chất hiệu chuẩn AFP Positive Calibrator 50 ng/L Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của AFP, chất bảo quản natri azide					ml	8	
14.	<b>Hóa chất xét nghiệm định lượng TT3</b> <b>Thông số kỹ thuật:</b> Cốc thử nhựa chứa $\geq 12$ hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đơn dòng của cừu kháng T3 và 125 $\mu\text{L}$ của T3 được kết hợp với phosphatase kiềm của bò và ANS, chất bảo quản natri azide.					Test	700	
15.	<b>Hóa chất xét nghiệm định lượng Free T4</b> <b>Thông số kỹ thuật:</b> Cốc thử nhựa chứa $\geq 12$ hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đa dòng của thỏ kháng T4 và 140 $\mu\text{L}$ thyrozone (T4) được kết hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide					Test	700	
16.	<b>Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH</b> <b>Thông số kỹ thuật:</b> Xét nghiệm định lượng TSH ( 3rd Generation) cốc thử nhựa chứa $\geq 12$ hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đơn dòng của chuột kháng TSH và 50 $\mu\text{L}$ kháng thể đơn dòng của chuột kháng TSH được kết hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide					Test	800	
17.	<b>Hóa chất xét nghiệm định lượng Troponin (cTnI)</b> <b>Thông số kỹ thuật:</b> Xét nghiệm định lượng cTnI thế hệ thứ 3 Cốc nhựa chứa $\geq 12$ hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CTNI3RD-GEN và 140					Test	1200	

	$\mu\text{L}$ kháng thể đơn dòng của chuột kháng CTNI3RD-GEN được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide							
18.	<p><b>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Troponin (cTnI)</b></p> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b>          Chất hiệu chuẩn cTnI 3rd-Gen Calibrator (1) 0 ng/mL          Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của cTnI, chất bảo quản natri azide (dạng lỏng).          Hóa chất hiệu chuẩn cTnI 3rd-Gen Calibrator (2) 0.2 ng/mL          Hóa chất hiệu chuẩn cTnI 3rd-Gen Calibrator (3) 1.0 ng/mL          Hóa chất hiệu chuẩn cTnI 3rd-Gen Calibrator (4) 5.0 ng/mL          Hóa chất hiệu chuẩn cTnI 3rd-Gen Calibrator (5) 20.0 ng/mL          Hóa chất hiệu chuẩn cTnI 3rd-Gen Calibrator (6) 60.0 ng/mL          Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ được chỉ định của cTnI, chất bảo quản natri azide (đông khô).</p>					ml	48	
19.	<p><b>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng TSH</b></p> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b>          Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng TSH          Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (1) 0 <math>\mu\text{IU/mL}</math>          Protein nền không chứa nồng độ có thể phát hiện của TSH, chất bảo quản natri azide.          Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (2) 0.2 <math>\mu\text{IU/mL}</math>          Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (3) 5.0 <math>\mu\text{IU/mL}</math></p>					ml	48	

	<p>ml Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (4) 25 <math>\mu</math>U/mL</p> <p>ml Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (5) 50 <math>\mu</math>U/mL</p> <p>ml Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (6) 110 <math>\mu</math>U/mL</p> <p>Protein nền chứa nồng độ được chỉ định của TSH 3rd-Gen , chất bảo quản natri azide.</p>							
20.	<p><b>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng TT3</b></p> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b></p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (1) 0 ng/mL</p> <p>Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của T3, chất bảo quản natri azide.</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (2) 0.5 ng/mL</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (3) 1.0 ng/mL</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (4) 2.0 ng/mL</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (5) 4.5 ng/mL</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (6) 9.0 ng/mL</p> <p>Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của T3 (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide.</p>					ml	48	
21.	<p><b>Hóa chất hiệu chuẩn FT4</b></p> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b></p> <p>Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng FT4</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (1) 0 ng/dL</p> <p>Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của FT4, chất bảo quản natri azide (đông khô).</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (2) 0.4 ng/dL</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (3) 1.0 ng/dL</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (4) 2.0 ng/dL</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (5) 4.0 ng/dL</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (6) 9.0 ng/dL</p> <p>Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của FT4 , chất bảo quản natri azide (đông khô).</p>					ml	48	

22.	<p><b>Hóa chất xét nghiệm định lượng SCC</b>  <b>Thông số kỹ thuật:</b>  Cốc nhựa chứa <math>\geq 12</math> hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng SCC và 100 <math>\mu\text{L}</math> kháng thể đơn dòng của chuột kháng SCC được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide</p>					Test	200	
23.	<p><b>Hóa chất kiểm tra cho xét nghiệm SCC</b>  <b>Thông số kỹ thuật:</b>  Hóa chất kiểm tra SCC Control Level 1, protein nền chứa xấp xỉ 3.0 ng/mL SCC (đông khô).  Hóa chất kiểm tra SCC Control Level 2, protein nền chứa xấp xỉ 50 ng/mL SCC (đông khô)</p>					Hộp	3	
24.	<p><b>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng SCC</b>  <b>Thông số kỹ thuật:</b>  Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng SCC  Hóa chất hiệu chuẩn SCC Calibrator (1) 0 ng/mL Protein nền không chứa nồng độ có thể phát hiện của hGH, chất bảo quản natri azide (dạng lỏng).  Hóa chất hiệu chuẩn SCC Calibrator (2) 1.0 ng/mL  Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (3) 3.0 ng/mL  Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (4) 15 ng/mL  Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (5) 50 ng/mL  Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (6) 120 ng/mL  Protein nền chứa nồng độ được chỉ định của SCC (mô tả trên mỗi lọ) (đông khô).</p>					Hộp	3	
25.	<p><b>Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 125</b>  <b>Thông số kỹ thuật:</b>  Hóa chất xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm Ung thư 125  Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 125 và 50 <math>\mu\text{L}</math> kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 125 (đối với CA 125 của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.</p>					Test	500	

26.	<p><b>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CA125</b>  <b>Calibrator</b>  <b>Thông số kỹ thuật:</b>  Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CA-125  2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK CA 125 Calibrator (1) 0 U/mL  Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của CA 125, chất bảo quản natri azide.  2 x 1 mL Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK CA 125 Calibrator (2) 8 U/mL  2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK CA 125 Calibrator (3) 32 U/mL  2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK CA 125 Calibrator (4) 128 U/mL  2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK CA 125 Calibrator (5) 500 U/mL  2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK CA 125 Calibrator (6) 1,100 U/mL  Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ CA 125 được chỉ định (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azides (được làm đông khô).</p>					ml	48	
27.	<p><b>Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA II</b>  <b>Thông số kỹ thuật:</b>  . Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng PSA và 100 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng PSA được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide</p>					Test	100	
<b>Tổng giá trị thành tiền</b>								
<b>Bằng chữ:</b>								

Đơn giá trên là trọn gói, đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế và các loại chi phí có liên quan theo quy định của Nhà nước để thực hiện gói thầu, hàng hoá được bàn giao, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành tại Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản chi phí nào khác.

Báo giá này có hiệu lực tối đa 60 ngày kể từ ngày báo giá.

....., ngày tháng năm 2023

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ**

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký tên, đóng dấu)*